

Bản án số: 67/2019/HS-ST
Ngày 15/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bình Quyền
Bà Đỗ Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án TAND huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn L, sinh ngày 07/3/1988 tại xã A, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn An Lạc, xã A, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th (đã chết) và bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1957; bị cáo có vợ là Lê Thị Th (đã ly hôn), chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/6/2019 đến ngày 12/6/2019; “có mặt”.

2. Đặng Xuân V, sinh ngày 13/3/1986 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Tr, xã A, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Xuân U, sinh năm 1953 và bà Hoàng Thị Tr, sinh năm 1952; có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1988; chưa có con; tiền sự: không; tiền án: Ngày 15/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”; Ngày 28/11/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm với mức hình phạt là 07 tháng tù về tội “Đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/4/2018; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2019 đến ngày 05/7/2019. Có mặt.

3. Nguyễn Hữu Tr, sinh ngày 10/10/1983 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Ng, xã B, huyện H, Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Lg (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952; có vợ là Trần Thị V, sinh năm 1983 và có 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/6/2019 đến ngày 12/6/2019. Có mặt.

4. Nguyễn Hữu T, sinh ngày 20/6/1986 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu D (Đã chết) và bà Lê Thị Th, sinh năm 1952; có vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/6/2019 đến ngày 12/6/2019; có mặt.

5. Nguyễn Văn D, sinh ngày 20/6/1982 tại xã A, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ 4, ấp 1, xã M huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1949 và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1952; có vợ là Nguyễn Thị Th (đã chết); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2019 đến nay; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 03/6/2019, Đặng Xuân V, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu Tr đến nhà Lê Văn L chơi, sau đó rủ nhau đánh bạc dưới hình thức “đánh liêng”, đóng nước 50.000 đồng. L đồng ý cho mọi người đánh bạc tại nhà mình, đi mua bài, trái chiếu cho V, T, Tr đánh bạc. Quá trình đánh bạc mỗi ván chào ai thắng sẽ phải cắt ra cho L 50.000 đồng đến 100.000 đồng tiền chiếu. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn D đến và cùng tham gia đánh bạc. Quá trình các bị cáo đánh bạc, L thu được 600.000 đồng, L mua thuốc và nước phục vụ các đối tượng đánh bạc hết 200.000 đồng. Khi các bị cáo V, T, Tr và D đang sát phạt nhau thì bị lực lượng Công an huyện H và công an xã A bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếu cói, số tiền 24.720.000 đồng (hai mươi tư triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng), thu giữ trên người L 400.000 đồng là tiền chiếu L thu được còn lại.

Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc: Đặng Xuân V: 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng); Nguyễn Hữu T: 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng); Nguyễn Hữu Tr:

7.000.000 đồng (bảy triệu đồng); Nguyễn Văn D: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Lê Văn L thu được số tiền chiếu là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đặng Xuân V, Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn D và Lê Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nêu trên phù hợp với tài liệu chứng cứ và lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 64/CT-VKSHH ngày 23/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Lê Văn L về tội “Gá bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS; truy tố bị cáo Đặng Xuân V về tội “Đánh bạc” theo điểm d khoản 2 Điều 321 BLHS, các bị cáo Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn D về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn L về tội “Gá bạc” với mức hình phạt từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo.

Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Xuân V về tội “Đánh bạc” với mức hình phạt từ 36 tháng tù đến 40 tháng tù giam.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Tr từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Lê Văn L, Đặng Xuân V, Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Hữu T đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếu cói, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 25.120.000 (Hai mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) được dùng vào việc phạm tội đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đều có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt vì các bị cáo đã rất ăn năn hối hận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2] Đối với hành vi của bị cáo Lê Văn L đã cho các bị cáo khác dùng nhà của mình là nơi phạm tội “Đánh bạc” với số tiền đánh bạc là 24.720.000 đồng, chuẩn bị bài, trái chiếu, thu tiền chiếu của các bị cáo, nhằm mục đích vụ lợi. Các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn D đã cùng nhau đánh bạc dưới hình thức “Đánh liêng”, đóng nước 50.000 đồng. Vì vậy hành vi của Lê Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; riêng đối với bị cáo Đặng Xuân V phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích của bản án HSPT số 212 ngày 28/11/2017, trong bản án đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “tái phạm”, do đó ở lần phạm tội này, bị cáo phải chịu tình tiết định khung là “tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy hành vi của bị cáo Đặng Xuân V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, là một tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Đây là vụ án đánh bạc có số đông bị cáo tham gia, số tiền phạm tội lớn, gây mất trật tự trị an trong khu vực. Do đó phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị

cáo thành khẩn khai báo; các bị cáo Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn D đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Nguyễn Hữu Tr có bố là Nguyễn Hữu Lg và mẹ là Nguyễn Thị C có Huân chương kháng chiến chống Mỹ, ông Lg được hưởng chế độ chính sách như thương binh; Đối với bị cáo Lê Văn L trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, bị cáo L cũng có thời gian tham gia quân ngũ được tặng thưởng danh hiệu: Chiến sĩ tiên tiến năm 2008. Do đó áp dụng quy định tại điểm i, s, t khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để lượng giảm cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

Trong vụ án các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công, tổ chức, tuy nhiên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án về hành vi “Đánh bạc” để có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Hữu T tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, cùng có số tiền đánh bạc lớn và ngang nhau, bị cáo Tr có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo T nên chịu mức hình phạt thấp hơn. Tuy nhiên cả hai bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, từ trước đến nay chưa có hành vi vi phạm, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Vì vậy Hội đồng xét xử cân nhắc và nhận thấy không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Bị cáo Đặng Xuân V có số tiền đánh bạc ít hơn, nhưng do phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích, trong lần bị xét xử trước đã xác định bị cáo chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” nên ở lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, là tình tiết định khung tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Bị cáo V đã rất nhiều lần bị đưa ra xét xử tại Tòa án cùng về tội “Đánh bạc” và đã phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc của pháp luật, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tự tu dưỡng, cải tạo để trở thành người lương thiện mà lại tiếp tục phạm tội “Đánh bạc”. Vì vậy phải đưa ra mức hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và giáo dục chung cho xã hội, trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn D vào tham gia đánh bạc sau, có số tiền đánh bạc ít nhất, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có nhân thân tốt vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy chỉ cần cho bị cáo mức hình phạt cải tạo không giam giữ, để bị cáo nhận thấy sự khoan hồng của pháp luật và tự cải tạo trở thành

công dân có ích cho xã hội. Trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2019 đến ngày 15/8/2019 là 02 tháng 13 ngày vào thời gian chấp hành hình phạt

Về khẩu trừ thu nhập: Bị cáo D có hộ khẩu thường trú tại Tổ 4, ấp 1, xã Minh Tâm, huyện Hón Quẩn, tỉnh Bình Phước (ở với bố), từ tháng 01/2019 đến nay bị cáo ở với mẹ tại xã A, huyện H, dự định sẽ tiếp tục vào ở với bố, bị cáo không có thu nhập ổn định, vì vậy không áp dụng khẩu trừ thu nhập đối với bị cáo và đồng thời giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi thường trú của bị cáo là xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Đối với hành vi của bị cáo Lê Văn L vì động cơ vụ lợi, đã cho các bị cáo khác dùng nhà của mình làm nơi đánh bạc (số tiền đánh bạc là 24.720.000 đồng) để thu tiền chiếu nên hành vi của bị cáo cấu thành tội “Gá bạc”. Nhưng bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, đủ điều kiện theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy không cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để bị cáo tự giáo dục, cải tạo trở thành người có ích.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Lê Văn L, Đặng Xuân V, Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn D đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếu cỏi và tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 25.120.000đ (Hai mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) được dùng vào việc phạm tội đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về án phí: Vì các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Gá bạc”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 322, điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Đặng Xuân V, Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Xuân V 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, trừ đi thời gian bị cáo bị

tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2019 đến ngày 05/7/2019 vào thời gian chấp hành án. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Tr 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 36 của Bộ luật hình sự, Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 24 (Hai mươi tư) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2019 đến ngày xét xử ngày 15/8/2019 là 02 tháng 13 ngày x 03 = 07 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành là 16 (Mười sáu) tháng 21 (Hai mươi một) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Trong thời gian thử thách giao các bị cáo Lê Văn L, Nguyễn Hữu T cho UBND xã A, giao bị cáo Nguyễn Hữu Tr cho UBND xã B, huyện H để giám sát giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Lê Văn L, Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Hữu T có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước để giám sát, giáo dục.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn D ngay tại phiên tòa nếu không bị tạm giam về một tội khác.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ 52 cây, 01 chiếu cói theo biên bản giao nhận vật chứng số 74/BBGN ngày 13/8/2019.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 25.120.000đ (Hai mươi lăm triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) được dùng vào việc phạm tội đang lưu giữ trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo ủy nhiệm chi lập ngày 13/8/2019 do đơn vị chuyển là

Công an huyện H tài khoản 3949.0.9013481 đến đơn vị nhận tiền là Chi cục Thi hành án dân sự huyện H tài khoản 3949.0.1053935.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình; Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Văn L, Đặng Xuân V, Nguyễn Hữu Tr, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.H;
- Công an huyện H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- UBND xã A;B.
- UBND xã M, h.H, Bình Phước.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thu

Đỗ Thị Vân

Lê Thị Ngọc Tú

Đối với bị cáo Lê Văn L có đơn xác nhận của chính quyền địa phương là có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo thu lời nhưng với số tiền ít, đã bị truy thu nên không được hưởng lợi. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.